

Số: 235/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 212/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1985; Căn cước số 046185001339, cấp ngày 21/3/2025; nơi cư trú: Thôn A, xã K, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Q, sinh năm 1982; Căn cước công dân số 046082001080, cấp ngày 13/4/2021; nơi cư trú: Thôn C, xã K, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con chung: Giao cả 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 17/11/2013 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 06/8/2018 cho anh Nguyễn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị X cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi người con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001862 ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 4 - Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - Phòng THADS KV 4 - Huế;
 - UBND xã Khe Tre, thành phố Huế
- (ĐKKH ngày 14/11/2012 tại UBND xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ));
- Lưu án văn;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân